

... tính cách liên lạc và của giá thú: giá thú không phải chỉ một khi các quy định nhng nghĩa vụ và quy định, nhng tiên vàn là một sự trao ban và chấp nhận hoàn toàn, giữa một người nam và một người nữ: sự trao ban này có tính cách dứt khoát và vĩnh viễn

I. Lý do của phe chủ trương tách rời khi các khi bí tích

II. Những lý do của phe chủ trương không thể tách rời

III. Hư quỵ thực tế

Kính thưa quý vị và các bạn,



Trong bài trước, chúng tôi đã cùng nêu bật những của thần học về hôn nhân của công đồng Vaticano II đối với bộ giáo luật 1983. Một đặc tính của quan điểm này là tính cách liên lạc và của giá thú: giá thú không phải chỉ một khi các quy định nhng nghĩa vụ và quy định, nhng tiên vàn là một sự trao ban và chấp nhận hoàn toàn, giữa một người nam và một người nữ: sự trao ban này có tính cách dứt khoát và vĩnh viễn. Chính tình yêu trao hiến này mà nảy ra sự sống mới là hoa trái của nó. Cho đến đây, chúng ta vẫn còn tiếp tục tiếp nhiên, nghĩa là xét hôn nhân theo khuôn khổ của Đấng Tội hóa.

Đối với các Kitô hữu, hôn nhân còn mang một đặc tính khác nữa: nó là một bí tích, do vậy của một tình trao hiến giữa một Kitô hữu và Hội thánh. Điều 48 của hiến chương “Vui mừng và Hy vọng” công đồng Vatican II viết rằng: “Đức Kitô đến gặp gỡ các đôi bạn Kitô hữu qua bí tích hôn nhân. Người nam và người nữ hiệp nhất, qua sự trao ban cho nhau, họ có thể yêu nhau chung thủy suốt đời. Người nam đã yêu Hội thánh và trao hiến mình cho người nữ bạn của mình. Tình yêu chân chính giữa họ đã được thu hút vào trong tình yêu của Chúa, và được dẫn dắt cùng tăng trưởng như sự cộng hành của chu kỳ của đức Kitô và như hành động của người nam và Hội thánh; như vậy họ được dẫn dắt cách hiệp nhất cùng Thiên Chúa và được giúp đỡ cùng trở lại trong thiên chức làm cha mẹ”. Công đồng nói thêm rằng bí tích là nguồn thánh hóa cho đôi bạn, và nói được như là hiến thánh họ vào nhng nghĩa vụ và phẩm giá của hôn nhân; như bí tích, toàn thể đời sống của họ được thấm nhiễm tinh thần đức Kitô, ngõ hầu họ tiến tới sự trở nên lành thánh thiện.

Tuy nhiên, tiếp sau công đồng Vaticano II, một cuộc tranh luận được nêu lên chung quanh vấn đề bí tích của hôn nhân giữa các Kitô hữu. Dilemma chính thức của Giáo hội cho rằng khi hai người Kitô hữu kết hôn với nhau, thì hôn nhân của họ đương nhiên là bí tích: không thể nào tách rời

không thể nào có hôn phối “tự nhiên” được nữa, xét vì nếu gì là tự nhiên thì đã được đem vào lãnh vực của rị. Khả năng biểu hiện tình yêu của đức Kitô đối với Giáo hội không tùy thuộc vào lòng tin hay ý muốn của người tín hữu nhưng nằm trong bản chất của hôn nhân theo ý định của chính đức Kitô. Người tín hữu cần được huấn giáo để hiểu biết giá trị đó và chấp nhận trong đức tin.

Khi nói ai cũng hiểu, chủ đề này đi sát với lập trường chính-thức của Giáo hội, được biểu lộ qua bộ giáo luật cũng như trong các văn kiện của Tòa thánh, thí dụ tông huấn “Đời sống gia đình” của đức Gioan Phaolô II. Thêm vào đó, ta có thể kể văn kiện của Ủy ban thần học từ năm 1977 do i t a đ “Vài vấn đề đạo lý của hôn nhân Kitô giáo” (Problèmes doctrinaux du mariage chrétien). Ngoài luận của d a trên tr t t khách quan của bí tích do đức Kitô n đ nh ch không tùy thuộc vào ý muốn người lãnh nhận, văn kiện còn phân biệt giữa ý định (intention) và lòng tin (foi personnelle) khi lãnh bí tích: a/ để u ki n c n thi t đ lãnh bí tích là ý định muốn làm để u mà Chúa và Giáo hội muốn. Lòng tin của người lãnh bí tích không có chi phối s h u hi u c a bí tích nhưng chỉ nh h u ng t i h u qu thiêng liêng do bí tích phát sinh. Tuy nhiên văn kiện cũng nhìn nhận rằng lòng tin có thể chi phối ý định; tức rằng, các tác giả không chú ý đi sâu hơn đến giới thích mối liên hệ đó (s 2 và 3).

Tông huấn “Đời sống gia đình” cũng g ng dung hòa hai lãnh vực. Một đàng trên lãnh vực đạo lý, văn kiện này bỏ qua tr t t khách thể của k ho ch c u r i; tính cách bí tích được g n li n v i hôn nhân của các Kitô hữu là do ý định của Thiên Chúa chứ không tùy thuộc ý muốn của h . (s 13). Để u ki n t i thi u đòi hỏi n i h là chấp nhận để u mà Giáo hội đã n đ nh khi c hành hôn phối. Mặt khác, trên lãnh vực m c v , n u chính người Kitô hữu không c t không chấp nhận h c thuy t c a Giáo hội v bí tích hôn nhân, thì các m c t không được c hành nghi l hôn nhân cho h (s 68). Đức Gioan Phaolô II nhận m nh r ng không phải là Giáo hội kh c t vì c c hành bí tích nhưng là chính h đã kh c t . Đức Thánh Cha cũng l u ý các m c t trong vi c t m đ nh c p đ lòng tin của những người xin lãnh bí tích: đây là một công cụ n r t t nh và đ r i vào quy t đ nh ch quan. Có l vì thế mà Ngài muốn đ a vào tiêu chuẩn rõ r t h n, nghĩa là ý định (ch ý: recta intentio) làm theo k ho ch của Chúa.

Hu qu th c t

Trên đây là những nguyên tắc thần học và thần quan giữa kh c hôn phối của các Kitô hữu và bí tích. Để kết thúc, chúng ta hãy xét vài hậu quả thực tế.

1) Giữa một đôi hôn nhân không khan người như những xin c hành l nghi hôn phối ở nhà thờ, thì hôn phối vẫn h u hi u. Dĩ nhiên, bản phận của các m c t là phải c g ng chu n b tâm h n h qua vi c hu n giáo.

2) Giữa một đôi hôn nhân minh th l i tr tính cách bí tích của hôn nhân (h ch mu n c i h i nh hôn phối tự nhiên), thì một số tác giả nghĩ rằng hôn nhân có thể vô hiệu d a theo đ.1099 và 1101 §2, bởi vì để i v i hôn nhân Kitô giáo, vi c l i b tính cách bí tích cũng phát sinh h u qu gi ng nh vi c l i b tính cách đ ng nh t và b t kh ly c a hôn nhân.

3) Giá thú thuộc tủy dân số của các Kitô hữu, tuy rằng vô hiệu xét theo giáo luật vì thi u th th c pháp đ nh, nhưng không thể bỏ đ ng hóa với các c p trai gái sống chung không có giá thú

(xem: Tông huấn “Đời sống gia đình” số 82). Có những vấn đề mà các vị đức cđt ra cho những đôi vợ chồng này mà Đức Gioan Phaolô II đã nêu lên. Những xét dđi khía cđnh thđn hđc và pháp lý, có tác giđ đã đđt vđn nđn nhđ sau: bđ giáo luđt hiđn hành đã đđ trừ trđng hđp mà ngđđi công giáo không còn buđc phđi giđ thđ thđc pháp đđnh khi kđt hôn nđa, đó là trđng hđp ngđđi đã công khai bđ đđo (đ.1117); thđ nhđng tuy đđng sđ tuyên bđ bđ đđo nhđng đđn tích rđa tđi vđn còn; thđ thì phđi coi hôn phđi dân sđ cđa hđ là hđu hiđu và là bí tích chđ?

4) Công đđng Vaticano II đã chú trđng tđi khía cđnh thánh hóa và thánh hiđn cđa Bí tích hôn nhân; đđu này đđc bđ giáo luđt lđp lđi đ.1134 cđa giáo luđt. Tuy nhiên xem ra nhà lđp pháp chú trđng cách riêng đđn mđt hđu quđ cđa bí tích, tđc là tính cách bđt khđ ly (đ.1056); thđc vđy, Giáo hđi đã đđ trừ nhđng trđng hđp chđđc chuđn hôn nhân khi nó chđa phđi là bí tích (nhđng trđng hđp đđc ân đđc tin).

Luôn tiđn cũng nên biđt là nhiđu khó khăn trong cuđc tranh luđn vđ bí tích hôn phđi xđy ra trong thđn hđc latinđ. Thđn hđc Latinđ quan niđm rđng trong bí tích hôn phđi chính đđi bđn vđa là tác viđn (chđ sđ) vđa là thđ viđn (ngđđi lãnh nhđn); chính trong lúc trao đđi sđ thđa thuđn hôn nhân, thì đđi bđn kitđ hđu cũng thđc hiđn bí tích hôn phđi. Quan đđm cđa thđn hđc cđa Đđng phđng thì khác: vđ chđ sđ bí tích hôn phđi là linh mđc. Linh mđc đđc lđi cđu khđn xin Chúa Thánh Thđn chúc lành thánh hóa tình yêu cđa đđi bđn. Theo quan đđm này, sđ trao đđi đđng thuđn giđa đđi bđn chđ là chđt thđ cđa bí tích; còn lđi cđu cđa linh mđc mđi là mô thđc cđa bí tích. Sđ khác biđt giđa hai truyđn thđng đã đđc ghi lđi trong Sách Giáo Lý Hđi thánh công giáo số 1623.